

CHÍNH PHỦ

Số : 161/2003/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

P310

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về Quy chế khu vực biên giới biển

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Nghị định này quy định hoạt động của người, tàu thuyền của Việt Nam, nước ngoài trong khu vực biên giới biển nhằm quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển; duy trì an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển.

2. Việc đầu tư xây dựng khu vực biên giới biển vững mạnh về mọi mặt, xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng công trình quản lý, bảo vệ biển, điều chỉnh dân cư trong khu vực biên giới biển có văn bản hướng dẫn thực hiện riêng.

3. Tàu thuyền của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có quy định riêng.

4. Tàu thuyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ và tàu thuyền quân sự nước ngoài vào thăm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện theo pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

5. Người, tàu thuyền; hàng hoá nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu bằng đường hàng hải thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

6. Chế độ pháp lý, quy chế quản lý và bảo vệ vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quy định riêng phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Điều 2.

1. Khu vực biên giới biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính các xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo. Danh sách các xã, phường, thị trấn giáp biển và các xã thuộc các đảo có Phụ lục kèm theo.

2. Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Điều 3. Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. "Người Việt Nam" là người có quốc tịch Việt Nam.

2. "Người nước ngoài" là người không có quốc tịch Việt Nam.

3. "Hoạt động" của người, tàu thuyền của Việt Nam và nước ngoài trong khu vực biên giới biển là việc ra, vào, trú đậu, đi lại, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên hoặc không thiên nhiên; nghiên cứu khoa học biển; nuôi trồng, thu mua và chế biến thủy sản; giao thông vận tải; môi trường và các hoạt động khác.

4. "Tàu thuyền" là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ.

Điều 4. Người, tàu thuyền của Việt Nam và nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển tuân theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Điều 5. Người, tàu thuyền của Việt Nam và nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có đầy đủ giấy tờ, trang bị đảm bảo an toàn theo quy định của pháp luật; hoạt động đúng mục đích, phạm vi, thời gian cho

phép, đi đúng luồng, tuyến và phải chịu sự giám sát, kiểm tra, kiểm soát, xử lý của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 6.

1. Trong khu vực biên giới biển được xác lập vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động.

a) Vùng cấm được xác định để bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Bộ Quốc phòng quy định thời hạn, phạm vi cụ thể đối với vùng cấm và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Khu vực hạn chế hoạt động được xác lập vì lý do môi trường, trục vớt, tìm kiếm cứu nạn hoặc diễn tập quân sự.

Khu vực hạn chế hoạt động do Bộ, ngành chủ quản xác định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố sở tại quyết định; đồng thời thông báo cho Bộ Quốc phòng.

c) Quyết định vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động phải được thông báo cho chính quyền địa phương sở tại, Cục Hàng hải Việt Nam và các đối tượng có liên quan biết để thực hiện.

2. Phạm vi vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động phải được xác định bằng biển báo (trên bộ) hoặc đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ (trên biển).

Điều 7. Khu du lịch, dịch vụ, thương mại, các khu kinh tế liên doanh với nước ngoài trong khu vực biên giới biển thực hiện theo quy định của Chính phủ đối với khu vực đó. Nếu các hoạt động đó có liên quan đến biên giới quốc gia, vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động trong khu vực biên giới biển thì thực hiện theo quy định của Luật Biên giới quốc gia và Nghị định này.

Điều 8.

1. Khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa môi trường (gọi tắt là tai nạn) trong khu vực biên giới biển, người phát hiện phải kịp thời phát tín hiệu cấp cứu theo quy định và trong khả năng có thể tiến hành ngay các biện pháp để cứu người, tài sản và hạn chế tổn thất.

2. Người hoạt động trong khu vực biên giới biển khi nhận được thông báo, tín hiệu cấp cứu hoặc phát hiện người, tàu thuyền bị nạn, phải nhanh chóng tổ chức cứu nạn và thông báo ngay cho các lực lượng đang hoạt động trên biển gần nhất, chính quyền địa phương hoặc Đoàn biên phòng hoặc thông

báo cho Trung tâm phối hợp Tìm kiếm - Cứu nạn hàng hải nơi gần nhất biết để tổ chức cứu hộ, cứu nạn.

3. Mọi người phải tuân theo lệnh huy động, chỉ huy, điều hành của người, cơ quan có thẩm quyền trong khu vực biên giới biển để tham gia hoạt động cứu người, tài sản và khắc phục hậu quả xảy ra.

4. Người tham gia hoạt động để cứu người, tài sản và hạn chế tổn thất nếu bị hy sinh, bị tổn hại sức khỏe, bị thiệt hại về tài sản thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển là trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang, chính quyền địa phương và mọi công dân.

Chương II **QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI, TÀU THUYỀN** **CỦA VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC BIÊN GIỚI BIỂN**

Điều 10. Người, tàu thuyền của Việt Nam hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có các giấy tờ sau:

1. Đối với người :

a) Giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền cấp (chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ do công an xã, phường, thị trấn nơi cư trú cấp);

b) Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, sổ thuyền viên theo quy định của pháp luật;

c) Giấy phép sử dụng vũ khí (nếu có);

2. Đối với tàu thuyền:

a) Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền;

b) Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật theo quy định;

c) Biển số đăng ký theo quy định;

d) Sổ danh bạ thuyền viên;

đ) Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện;

e) Giấy tờ liên quan đến hàng hoá trên tàu thuyền.

3. Ngoài các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, người, tàu thuyền hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có các giấy tờ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Việc diễn tập quân sự, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, tổ chức bắn đạn thật hoặc sử dụng vật liệu nổ trong khu vực biên giới biển thực hiện theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thông báo cho đối tượng liên quan biết, đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh sở tại, Cục Hàng hải Việt Nam biết ít nhất 05 ngày trước khi tiến hành.

Điều 12. Người, tàu thuyền làm nhiệm vụ thăm dò, nghiên cứu khoa học, khảo sát về địa chất, khoáng sản trong khu vực biên giới biển, ngoài các giấy tờ quy định tại Điều 10 của Nghị định này phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, phải thông báo cho Ủy ban nhân dân và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi có biên giới biển biết ít nhất 02 ngày trước khi thực hiện nhiệm vụ.

Chương III **QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI, TÀU THUYỀN CỦA NƯỚC NGOÀI** **HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC BIÊN GIỚI BIỂN**

Điều 13. Người, tàu thuyền của nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có các giấy tờ sau:

1. Đối với người:

- a) Hộ chiếu hợp lệ hoặc giấy tờ có giá trị tương đương thay hộ chiếu;
- b) Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Đối với tàu thuyền:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền;
- b) Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật theo quy định;
- c) Danh sách thuyền viên, nhân viên phục vụ và hành khách trên tàu;
- d) Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện;

đ) Giấy tờ liên quan đến hàng hoá vận chuyển trên tàu thuyền và các giấy tờ khác có liên quan do pháp luật Việt Nam quy định cho từng loại tàu thuyền và lĩnh vực hoạt động (trừ trường hợp quy định tại Điều 18 của Nghị định này).

Điều 14. Người nước ngoài thường trú, tạm trú ở Việt Nam khi đến xã, phường, thị trấn giáp biển hoặc ra, vào các đảo, quần đảo (trừ khu du lịch, dịch vụ, khu kinh tế cửa khẩu, có quy chế riêng) phải có giấy phép của công an từ cấp tỉnh trở lên cấp và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

Điều 15. Tàu thuyền của nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển Việt Nam phải treo cờ quốc tịch và treo quốc kỳ của Việt Nam ở đỉnh cột tàu cao nhất.

Điều 16. Tàu thuyền của nước ngoài khi neo đậu thường xuyên hoặc tạm thời ở những cảng, bến đậu của Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam, chịu sự giám sát, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

Điều 17. Tàu thuyền của nước ngoài khi neo đậu tại cảng, bến đậu nếu thuyền viên, nhân viên nước ngoài đi bờ phải có giấy phép của Đoàn biên phòng cảng Việt Nam nơi tàu thuyền neo đậu cấp.

Điều 18.

1. Khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài phải tuân thủ các quy định trong Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các quy định có liên quan đến việc phòng ngừa đấm va trên biển, các luật và quy định của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập về các vấn đề sau đây :

a) Không làm phương hại đến hoà bình, an ninh, trật tự môi trường sinh thái của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

b) An toàn hàng hải và điều phối giao thông đường biển;

c) Bảo vệ các thiết bị và các hệ thống bảo đảm hàng hải và các thiết bị hay công trình khác;

d) Bảo vệ các đường dây cáp và ống dẫn;

đ) Bảo tồn tài nguyên sinh vật biển;

e) Ngăn ngừa những vi phạm các luật và quy định của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến việc đánh bắt hải sản;

f) Giữ gìn môi trường của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ngăn ngừa, hạn chế, chế ngự ô nhiễm môi trường;

g) Nghiên cứu khoa học biển và đo đạc thủy văn;

h) Ngăn ngừa những vi phạm các luật và quy định về hải quan, thuế, y tế hay nhập cư của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong trường hợp để đảm bảo quốc phòng, an ninh của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài có thể bị tạm thời đình chỉ tại các khu vực nhất định trong lãnh hải Việt Nam.

Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm thời đình chỉ việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài trong lãnh hải Việt Nam.

3. Tàu ngầm và các phương tiện đi ngầm khác phải trong tư thế đi nổi và treo cờ quốc tịch.

Điều 19.

1. Tàu thuyền nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân, tàu thuyền chuyên chở chất phóng xạ, chất nguy hiểm độc hại khác khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam phải mang đầy đủ các tài liệu và áp dụng các biện pháp phòng ngừa đặc biệt theo quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của điều ước quốc tế đối với loại tàu thuyền đó mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

2. Tàu thuyền quy định tại khoản 1 điều này chỉ được vào hoạt động tại nội thủy, lãnh hải của Việt Nam sau khi được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam cho phép và phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa đặc biệt theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Trong trường hợp có dấu hiệu nguy cơ gây ô nhiễm rõ ràng thì có thể bị buộc phải chuyển hướng đi ra ngoài lãnh hải Việt Nam.

Điều 20. Người, tàu thuyền nước ngoài khi tiến hành hoạt động điều tra thăm dò, khảo sát, nghiên cứu, đánh bắt, khai thác tài nguyên, hải sản phải được phép của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam, phải thông báo cho Ủy ban nhân dân và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi có biên giới biển biết ít nhất 02 ngày trước khi thực hiện nhiệm vụ. Khi hoạt động phải tuân theo pháp luật Việt Nam và quy định tại Nghị định này.

Điều 21.

1. Trong những trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố hoặc vì lý do khách quan khác (gọi tắt là bị nạn) mà buộc tàu thuyền phải dừng lại hoặc thả neo trong lãnh hải Việt Nam mà không thể tuân theo quy định trong Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam thì người điều khiển tàu thuyền phải thông báo ngay với cảng vụ hoặc cơ quan cứu hộ và cứu nạn quốc gia hoặc chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Việt Nam nơi gần nhất.

2. Các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được thông báo phải tổ chức cứu nạn hoặc báo cho cơ quan có trách nhiệm tổ chức cứu nạn.

3. Người, tàu thuyền bị nạn phải tuân theo mọi hướng dẫn của cơ quan đến cứu nạn.

Chương IV

QUẢN LÝ, BẢO VỆ KHU VỰC BIÊN GIỚI BIỂN

Điều 22.

1. Chính phủ thống nhất chỉ đạo các hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển và duy trì an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an thống nhất hướng dẫn chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp ven biển tổ chức quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Ngoại giao chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chính sách xây dựng biên giới, các điều ước quốc tế về biên giới mà Việt Nam đã ký kết với các nước hữu quan. Phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn Bộ đội Biên phòng thực hiện nhiệm vụ đối ngoại và giải quyết công việc liên quan đến hai bên biên giới.

4. Bộ Công an chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp bảo vệ an ninh khu vực biên giới biển; gắn an ninh biên giới với an ninh nội địa. Phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn Bộ đội Biên phòng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và đấu tranh phòng, chống tội phạm ở khu vực biên giới biển.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia, phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển theo quy định của pháp luật.

6. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ của mình, thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành chức năng.

Xây dựng quy hoạch sản xuất gắn với quy hoạch dân cư, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở khu vực biên giới; kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới biển.

Chỉ đạo các lực lượng, ban, ngành ở địa phương phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự ở khu vực biên giới biển thuộc địa phương quản lý.

Điều 23.

1. Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an nhân dân, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển.

2. Trong khu vực biên giới biển, Bộ đội Biên phòng và các lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới quốc gia được bố trí lực lượng, phương tiện, tiến hành các biện pháp nghiệp vụ, sử dụng các loại phương tiện, vũ khí, khí tài, kỹ thuật quân sự, công cụ hỗ trợ và xây dựng các công trình phục vụ nhằm quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển.

Điều 24.

1. Các lực lượng, các ngành chức năng hoạt động trong khu vực biên giới biển phải tuân theo các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật; có trách nhiệm phối hợp với Bộ đội Biên phòng quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển (trừ các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 của Điều 1 Nghị định này).

2. Trong khi làm nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ, nhân viên các ngành chức năng phải mặc trang phục, đeo biển, phù hiệu kiểm soát theo quy định của pháp luật; phương tiện làm nhiệm vụ phải treo quốc kỳ, cờ hiệu.

Điều 25. Khi xây dựng các dự án khu du lịch, giao thông, thủy sản, lâm trường và các công trình cảng, bến đậu, khu kinh tế liên doanh với nước ngoài; thăm dò, khai thác tài nguyên trong khu vực biên giới biển, cơ quan chủ quản phải thống nhất với chính quyền địa phương và lấy ý kiến tham gia của các ngành liên quan và Bộ đội Biên phòng trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 26. Việc giám sát, kiểm tra, kiểm soát, bắt giữ và xử lý người, tàu thuyền vi phạm của các cơ quan chức năng phải theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Điều 27. Khi có căn cứ cho rằng trên tàu thuyền có dấu hiệu buôn lậu, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy hoặc tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí, chất nguy hiểm về cháy, nổ, các chất độc hại và tài liệu bí mật của Nhà nước Việt Nam thì lực lượng tuần tra, kiểm soát chuyên ngành được quyền ra lệnh kiểm tra, kiểm soát và bắt giữ để xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Điều 28. Khi có căn cứ nghi ngờ có hành vi vi phạm pháp luật, lực lượng tuần tra, kiểm soát chuyên ngành được phát tín hiệu dừng tàu thuyền để kiểm tra, kiểm soát; khi có tín hiệu dừng tàu thuyền mà người điều khiển tàu thuyền không chấp hành thì lực lượng tuần tra, kiểm soát chuyên ngành được quyền truy đuổi; khi lực lượng truy đuổi đã sử dụng các loại tín hiệu ra lệnh dừng mà tàu thuyền bị truy đuổi vẫn không dừng lại thì người chỉ huy lực lượng truy đuổi được quyền sử dụng các công cụ hỗ trợ và vũ khí theo quy định của pháp luật; trong trường hợp có người bị thương thì phải tổ chức cấp cứu, nếu có người chết thì phải cùng chính quyền địa phương sở tại giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Khi thực hiện quyền truy đuổi, người chỉ huy lực lượng truy đuổi được huy động người, tàu thuyền của các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân đang hoạt động trong khu vực biên giới biển để tham gia truy đuổi, trừ tàu thuyền, phương tiện khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân có tàu thuyền, phương tiện, tài sản được cơ quan có thẩm quyền huy động khi thực hiện quyền truy đuổi nếu bị thiệt hại thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người chỉ huy lực lượng truy đuổi phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 30. Các cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện quyền xử lý các hành vi vi phạm xảy ra trong khu vực biên giới biển theo thẩm quyền. Những vụ vi phạm xảy ra trong khu vực biên giới biển chưa rõ thẩm quyền xử lý hoặc liên quan thẩm quyền xử lý của nhiều ngành thì cơ quan đã thụ lý báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chỉ đạo xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Người, tàu thuyền khi ra, vào, hoạt động trong khu vực biên giới biển phải xuất trình những giấy tờ liên quan trực tiếp đến hoạt động của

người, tàu thuyền đó với Trạm kiểm soát biên phòng và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Bộ đội Biên phòng.

Điều 32.

1. Quy chế hoạt động của người, tàu thuyền của Việt Nam và nước ngoài tại các cảng quân sự, cảng biển do Chính phủ và các Bộ, ngành quy định theo thẩm quyền.

2. Ngoài các cảng quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới biển căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định thành lập và quy định nội quy cụ thể các bến, bãi, khu vực neo đậu cho người và tàu thuyền tại địa phương mình.

Tàu thuyền phải đăng ký neo đậu thường xuyên hoặc tạm thời và phải chấp hành nghiêm chỉnh nội quy bến đậu.

Điều 33. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện những hành vi vi phạm chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới biển hoặc phát hiện, thu được tài sản chìm đắm, trôi dạt ở biển phải có trách nhiệm thông báo, giao nộp ngay chính quyền địa phương hoặc Đồn biên phòng hoặc cảng vụ hàng hải nơi gần nhất để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Nghiêm cấm các hoạt động sau đây trong khu vực biên giới biển :

1. Quay phim, chụp ảnh, vẽ cảnh vật, ghi băng hình hoặc đĩa hình, thu phát vô tuyến điện ở khu vực có biển cấm;

2. Neo đậu tàu thuyền không đúng nơi quy định hoặc làm cản trở giao thông đường thủy;

3. Khai thác hải sản, săn bắn trái với quy định của pháp luật;

4. Tổ chức, chứa chấp, dẫn đường, chuyên chở người xuất, nhập cảnh trái phép;

5. Đưa người, hàng hoá lên tàu thuyền hoặc từ tàu thuyền xuống trái phép;

6. Phóng lên các phương tiện bay, hạ xuống các tàu thuyền, vật thể khác trái với quy định của pháp luật Việt Nam;

7. Mua bán, trao đổi, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí, chất cháy, chất nổ, chất độc hại, ma túy, hàng hoá, vật phẩm, ngoại hối;

8. Khai thác, trục vớt tài sản, đồ vật khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam;

9. Bám, buộc tàu thuyền vào các phao tiêu hoặc có hành vi gây tổn hại đến sự an toàn của các công trình thiết bị trong khu vực biên giới biển;

10. Thải bỏ các chất độc hại gây ô nhiễm môi trường;

11. Các hoạt động khác vi phạm pháp luật Việt Nam.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 35. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 36.

1. Hàng năm Bộ Quốc phòng phối hợp với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính lập dự toán ngân sách để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới biển trình Chính phủ quyết định.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

Điều 37. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận :

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Văn phòng Quốc hội,
- Ủy ban Quốc phòng và An ninh, Ủy ban pháp luật, Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,

Phan Văn Khải đã ký

- Công báo,
- VPCP : BTCN, các PCN, các Vụ, Cục,
các đơn vị trực thuộc,
- Lưu : NC (5), Văn thư.

DANH SÁCH
CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC KHU VỰC BIÊN GIỚI BIÊN
(ban hành kèm theo Nghị định số 161/2003/NĐ-CP
ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ)

Tỉnh biên giới biên	Huyện biên giới biên	T	Xã, phường, thị trấn
1. QUẢNG NINH - 9 huyện, thành phố, thị xã - 62 xã, phường, thị trấn	1. Thị xã Móng Cái (08 xã, phường)	1	Phường Trà Cổ
		2	Xã Bình Ngọc
		3	Xã Vạn Ninh
		4	Xã Hải Yên
		5	Xã Hải Tiến
		6	Xã Quảng Nghĩa
		7	Xã đảo Vĩnh Thực
		8	Xã đảo Vĩnh Trung
	2. Huyện Hải Hà (08 xã, thị trấn)	1	Xã Quảng Thắng
		2	Xã Quảng Minh
		3	Thị trấn Hải Hà
		4	Xã Phú Hải
		5	Xã Quảng Điền
		6	Xã Quảng Phong
		7	Xã Tiến Tới
		8	Xã đảo Cái Chiên
	3. Huyện Đầm Hà (03 xã)	1	Xã Tân Bình
		2	Xã Đầm Hà
		3	Xã Đại Bình
	4. Huyện Tiên Yên (04 xã)	1	Xã Đông Hải
		2	Xã Tiên Lãng
		3	Xã Hải Lạng
		4	Xã Đồng Rui
	5. Thị xã Cẩm Phả (11 xã, phường)	1	Xã Cộng Hoà
		2	Xã Cẩm Hải
		3	Phường Mông Dương
		4	Phường Cửa Ông
		5	Phường Cẩm Phú
		6	Phường Cẩm Thịnh
		7	Phường Cẩm Sơn
		8	Phường Cẩm Bình
		9	Phường Cẩm Trung

10 Phòng Cẩm Thạch
11 Phòng Quang Hạnh

	<p>6. Thành phố Hạ Long (09 xã, phường)</p> <p>7. Huyện Yên Hưng (03 xã)</p> <p>8. Huyện đảo Vân Đồn (12 xã, thị trấn)</p> <p>9. Huyện đảo Cô Tô (04 xã, thị trấn)</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1 Phường Hà Phong 2 Phường Hà Tu 3 Phường Hồng Hà 4 Phường Hồng Hải 5 Phường Bạch Đằng 6 Phường Hồng Gai 7 Phường Bãi Cháy 8 Phường Hùng Thắng 9 Phường Tuần Châu <ol style="list-style-type: none"> 1 Xã Hoàng Tân 2 Xã Tiên Phong 3 Xã Liên Vị <ol style="list-style-type: none"> 1 Thị trấn Cái Rồng 2 Xã Bình Dân 3 Xã Đai Xuyên 4 Xã Đoàn Kết 5 Xã Vạn Yên 6 Xã Đông Xá 7 Xã Hạ Long 8 Xã đảo Ngọc Vũng 9 Xã đảo Thắng Lợi 10 Xã đảo Quan Lạn 11 Xã đảo Minh Châu 12 Xã đảo Bản Sen <ol style="list-style-type: none"> 1 Thị trấn Cô Tô 2 Xã đảo Đông Tiến 3 Xã đảo Thanh Lân 4 Xã đảo Trần
<p>2. HẢI PHÒNG</p> <p>- 6 huyện, quận, thị xã - 28 xã, phường, thị trấn</p>	<p>1. Huyện Kiến Thụy (04 xã)</p> <p>2. Thị xã Đồ Sơn (05 xã, phường)</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1 Xã Tân Thành 2 Xã Hải Thành 3 Xã Đại Hợp 4 Xã Đoàn Xá <ol style="list-style-type: none"> 1 Xã Bằng La 2 Phường Vạn Hương 3 Phường Vạn Sơn 4 Phường Ngọc Xuyên 5 Phường Ngọc Hải

	<p>3. Huyện Tiên Lãng (04 xã)</p> <p>4. Quận Hải An (03 phường)</p> <p>5. Huyện đảo Cát Hải a) Đảo Cát Hải (05 xã, thị trấn) b) Đảo Cát Bà (07 xã, thị trấn)</p> <p>6. Huyện đảo Bạch Long Vĩ</p>	<p>1 Xã Đông Hưng 2 Xã Tiên Hưng 3 Xã Vinh Quang 4 Xã Tây Hưng</p> <p>1 Phường Nam Hải 2 Phường Tràng Cát 3 Phường Đông Hải</p> <p>1 Xã Ninh Tiếp 2 Xã Hoàng Châu 3 Xã Văn Phong 4 Xã Đồng Bài 5 Thị trấn Cát Hải</p> <p>1 Xã Phù Long 2 Xã Gia Luận 3 Xã Hiền Hào 4 Xã Xuân Đám 5 Xã Việt Hải 6 Xã Trân Châu 7 Thị trấn Cát Bà</p>
<p>3. THÁI BÌNH</p> <p>- 2 huyện - 14 xã</p>	<p>1. Huyện Thái Thụy (06 xã, thị trấn)</p> <p>2. Huyện Tiền Hải (08 xã)</p>	<p>1 Xã Thụy Trường 2 Xã Thụy Xuân 3 Xã Thụy Hải 4 Thị trấn Diêm Điền 5 Xã Thái Thượng 6 Xã Thái Đô</p> <p>1 Xã Đông Long 2 Xã Đông Hải 3 Xã Đông Hoàng 4 Xã Đông Minh 5 Xã Nam Cường 6 Xã Nam Thịnh 7 Xã Nam Hưng 8 Xã Nam Phú</p>

<p>4. NAM ĐỊNH</p> <p>- 3 huyện - 18 xã, thị trấn</p>	<p>1. Huyện Giao Thủy (09 xã, thị trấn)</p> <p>2. Huyện Hải Hậu (06 xã, thị trấn)</p> <p>3. Huyện Nghĩa Hưng (03 xã, thị trấn)</p>	<p>1 Xã Giao Thiện 2 Xã Giao Lạc 3 Xã Giao Xuân 4 Xã Giao An 5 Xã Giao Hải 6 Xã Giao Long 7 Xã Bạch Long 8 Xã Giao Phong 9 Thị trấn Quất Lâm</p> <p>1 Xã Hải Đông 2 Xã Hải Lý 3 Xã Hải Chính 4 Xã Hải Triều 5 Xã Hải Hoà 6 Thị trấn Thịnh Long</p> <p>1 Xã Nghĩa Phúc 2 Thị trấn Rạng Đông 3 Xã Nam Điền</p>
<p>5. NINH BÌNH</p> <p>- 1 huyện - 3 xã</p>	<p>1. Huyện Kim Sơn (03 xã)</p>	<p>1 Xã Kim Đông 2 Xã Kim Trung 3 Xã Kim Hải</p>
<p>6. THANH HOÁ</p> <p>- 6 huyện, thị xã - 42 xã, phường</p>	<p>1. Huyện Nga Sơn (02 xã)</p> <p>2. Huyện Hậu Lộc (06 xã)</p> <p>3. Huyện Hoằng Hoá (05 xã)</p>	<p>1 Xã Nga Tân 2 Xã Nga Tiến</p> <p>1 Xã Đa Lộc 2 Xã Hưng Lộc 3 Xã Minh Lộc 4 Xã Ngư Lộc 5 Xã Hải Lộc 6 Xã Hoà Lộc</p> <p>1 Xã Hoằng Trường 2 Xã Hoằng Hải 3 Xã Hoằng Tiến 4 Xã Hoằng Thanh 5 Xã Hoằng Phụ</p>

	<p>4. Thị xã Sầm Sơn (05 xã, phường)</p> <p>5. Huyện Quảng Xương (09 xã)</p> <p>6. Huyện Tĩnh Gia (15 xã)</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1 Xã Quảng Cư 2 Xã Quảng Tiến 3 Phường Trung Sơn 4 Phường Bắc Sơn 5 Phường Trường Sơn <ol style="list-style-type: none"> 1 Xã Quảng Vinh 2 Xã Quảng Hùng 3 Xã Quảng Đại 4 Xã Quảng Hải 5 Xã Quảng Lưu 6 Xã Quảng Thái 7 Xã Quảng Lợi 8 Xã Quảng Thạch 9 Xã Quảng Nham <ol style="list-style-type: none"> 1 Xã Hải Châu 2 Xã Hải Ninh 3 Xã Hải An 4 Xã Tân Dân 5 Xã Hải Lĩnh 6 Xã Ninh Hải 7 Xã Hải Hoà 8 Xã Bình Minh 9 Xã Hải Thanh 10 Xã Hải Bình 11 Xã Tĩnh Hải 12 Xã Hải Yên 13 Xã Hải Thượng 14 Xã Hải Hà 15 Xã Nghi Sơn
<p>7. NGHỆ AN</p> <p>- 4 huyện, thị xã</p> <p>- 29 xã, phường, thị trấn</p>	<p>1. Huyện Quỳnh Lưu (12 xã)</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1 Xã Quỳnh Lập 2 Xã Quỳnh Phương 3 Xã Quỳnh Liên 4 Xã Quỳnh Bảng 5 Xã Quỳnh Lương 6 Xã Quỳnh Minh 7 Xã Quỳnh Nghĩa 8 Xã Tiến Thủy 9 Xã Quỳnh Thuận 10 Xã Quỳnh Long

- 11 Xã Sơn Hải
 - 12 Xã Quỳnh Thọ
-

	<p>2. Huyện Diên Châu (06 xã, thị trấn)</p> <p>3. Huyện Nghi Lộc (05 xã)</p> <p>4. Thị xã Cửa Lò (06 xã, phường)</p>	<p>1 Xã Diên Hùng 2 Xã Diên Hải 3 Xã Diên Kim 4 Xã Diên Thịnh 5 Xã Diên Trung 6 Thị trấn Diên Thành</p> <p>1 Xã Nghi Yên 2 Xã Nghi Tiến 3 Xã Nghi Hoà 4 Xã Nghi Thiết 5 Xã Nghi Xuân</p> <p>1 Phường Nghi Tân 2 Phường Nghi Thủy 3 Phường Nghi Thu 4 Phường Thu Thủy 5 Phường Nghi Hải 6 Xã Nghi Hương</p>
<p>8. HÀ TĨNH</p> <p>- 5 huyện - 32 xã</p>	<p>1. Huyện Nghi Xuân (10 xã)</p> <p>2. Huyện Can Lộc (01 xã)</p> <p>3. Huyện Thạch Hà (08 xã)</p>	<p>1 Xã Xuân Hội 2 Xã Xuân Trường 3 Xã Xuân Phổ 4 Xã Xuân Hải 5 Xã Xuân Yên 6 Xã Xuân Thành 7 Xã Xuân Hoa 8 Xã Xuân Liên 9 Xã Xuân Song 10 Xã Xuân Đan</p> <p>1 Xã Thịnh Lộc</p> <p>1 Xã Thạch Bằng 2 Xã Thạch Kim 3 Xã Thạch Hải 4 Xã Thạch Lạc 5 Xã Thạch Trị 6 Xã Thạch Văn 7 Xã Thạch Hội 8 Xã Thạch Bàn</p>

	<p>4. Huyện Cẩm Xuyên (05 xã, thị trấn)</p> <p>5. Huyện Kỳ Anh (08 xã)</p>	<p>1 Xã Cẩm Hoà 2 Xã Cẩm Dương 3 Thị trấn Thiên Cẩm 4 Xã Cẩm Nhượng 5 Xã Cẩm Lĩnh</p> <p>1 Xã Kỳ Xuân 2 Xã Kỳ Phú 3 Xã Kỳ Khang 4 Xã Kỳ Ninh 5 Xã Kỳ Hà 6 Xã Kỳ Lợi 7 Xã Kỳ Phương 8 Xã Kỳ Nam</p>
<p>9. QUẢNG BÌNH</p> <p>- 5 huyện, thị xã - 18 xã, phường</p>	<p>1. Huyện Quảng Trạch (07 xã)</p> <p>2. Huyện Bố Trạch (04 xã)</p> <p>3. Thị xã Đồng Hới (03 xã, phường)</p> <p>4. Huyện Quảng Ninh (01 xã)</p> <p>5. Huyện Lệ Thủy (03 xã)</p>	<p>1 Xã Quảng Đông 2 Xã Quảng Phú 3 Xã Cảnh Dương 4 Xã Quảng Hưng 5 Xã Quảng Xuân 6 Xã Quảng Thọ 7 Xã Quảng Phúc</p> <p>1 Xã Thanh Trạch 2 Xã Hải Trạch 3 Xã Đức Trạch 4 Xã Nhân Trạch</p> <p>1 Xã Quang Phú 2 Phường Hải Thành 3 Xã Bảo Ninh</p> <p>1 Xã Hải Ninh</p> <p>1 Xã Ngư Thủy Bắc 2 Xã Ngư Thủy Trung 3 Xã Ngư Thủy Nam</p>
<p>10. QUẢNG TRỊ</p> <p>- 4 huyện - 13 xã, đảo</p>	<p>1. Huyện Vĩnh Linh (06 xã, đảo)</p>	<p>1 Xã Vĩnh Thái 2 Xã Vĩnh Trung 3 Xã Vĩnh Kim 4 Xã Vĩnh Thạch 5 Xã Vĩnh Quang</p>

	<p>2. Huyện Gio Linh (02 xã)</p> <p>3. Huyện Triệu Phong (03 xã)</p> <p>4. Huyện Hải Lăng (02 xã)</p>	<p>1 Xã Trung Giang 2 Xã Gio Hải</p> <p>1 Xã Triệu An 2 Xã Triệu Vân 3 Xã Triệu Lăng</p> <p>1 Xã Hải An 2 Xã Hải Khê</p>
<p>11. THỪA THIÊN HUẾ</p> <p>- 5 huyện - 21 xã, thị trấn</p>	<p>1. Huyện Phong Điền (05 xã)</p> <p>2. Huyện Quảng Điền (02 xã)</p> <p>3. Huyện Hương Trà (01 xã)</p> <p>4. Huyện Phú Vang (07 xã, thị trấn)</p> <p>5. Huyện Phú Lộc (06 xã, thị trấn)</p>	<p>1 Xã Điền Hương 2 Xã Điền Môn 3 Xã Điền Lộc 4 Xã Điền Hoà 5 Xã Phong Hải</p> <p>1 Xã Quảng Ngạn 2 Xã Quảng Công</p> <p>1 Xã Hải Dương</p> <p>1 Thị trấn Thuận An 2 Xã Phú Thuận 3 Xã Phú Hải 4 Xã Phú Diên 5 Xã Vinh Xuân 6 Xã Vinh Thanh 7 Xã Vinh An</p> <p>1 Xã Vinh Mỹ 2 Xã Vinh Hải 3 Xã Vinh Hiền 4 Xã Lộc Bình 5 Xã Lộc Vĩnh 6 Thị trấn Lăng Cô</p>
<p>12. ĐÃ NẰNG</p> <p>- 6 huyện, quận - 14 phường</p>	<p>1. Quận Liên Chiểu (03 phường)</p> <p>2. Quận Thanh Khê (03 phường)</p>	<p>1 Phường Hoà Hiệp 2 Phường Hoà Khánh 3 Phường Hoà Minh</p> <p>1 Phường Thanh Lộc Đán 2 Phường Xuân Hà</p>

	<p>3. Quận Hải Châu (02 phường)</p> <p>4. Quận Sơn Trà (04 phường)</p> <p>5. Quận Ngũ Hành Sơn (02 phường)</p> <p>6. Huyện đảo Hoàng Sa</p>	<p>1 Phường Thanh Bình</p> <p>2 Phường Thuận Phước</p> <p>1 Phường Nại Hiên Đông</p> <p>2 Phường Thọ Quang</p> <p>3 Phường Mân Thái</p> <p>4 Phường Phước Mỹ</p> <p>1 Phường Bắc Mỹ An</p> <p>2 Phường Hoà Hải</p>
<p>13. QUẢNG NAM</p> <p>- 6 huyện, thị xã</p> <p>- 14 xã</p>	<p>1. Huyện Núi Thành (04 xã)</p> <p>2. Huyện Điện Bàn (02 xã)</p> <p>3. Huyện Duy Xuyên (01 xã)</p> <p>4. Huyện Thăng Bình (04 xã)</p> <p>5. Thị xã Hội An (02 xã)</p> <p>6. Thị xã Tam Kỳ (01 xã)</p>	<p>1 Xã Tam Quang</p> <p>2 Xã Tam Hải</p> <p>3 Xã Tam Tiến</p> <p>4 Xã Tam Hoà</p> <p>1 Xã Điện Dương</p> <p>2 Xã Điện Ngọc</p> <p>1 Xã Duy Hải</p> <p>1 Xã Bình Dương</p> <p>2 Xã Bình Hải</p> <p>3 Xã Bình Minh</p> <p>4 Xã Bình Nam</p> <p>1 Xã Cẩm An</p> <p>2 Xã Tân Hiệp (Đảo Cù Lao Chàm)</p> <p>1 Xã Tam Thanh</p>
<p>14. QUẢNG NGÃI</p> <p>- 6 huyện</p> <p>- 24 xã</p>	<p>1. Huyện Bình Sơn (07 xã)</p> <p>2. Huyện Sơn Tịnh (02 xã)</p>	<p>1 Xã Bình Thạnh</p> <p>2 Xã Bình Đông</p> <p>3 Xã Bình Thuận</p> <p>4 Xã Bình Trị</p> <p>5 Xã Bình Hải</p> <p>6 Xã Bình Phú</p> <p>7 Xã Bình Châu</p> <p>1 Xã Tịnh Khê</p>

	<p>3. Huyện Tư Nghĩa (02 xã)</p> <p>4. Huyện Mộ Đức (05 xã)</p> <p>5. Huyện Đức Phổ (06 xã)</p> <p>6. Huyện đảo Lý Sơn (02 xã)</p>	<p>1 Xã Nghĩa An 2 Xã Nghĩa Phú</p> <p>1 Xã Đức Lợi 2 Xã Đức Thắng 3 Xã Đức Chánh 4 Xã Đức Minh 5 Xã Đức Phong</p> <p>1 Xã Phổ An 2 Xã Phổ Quang 3 Xã Phổ Vinh 4 Xã Phổ Khánh 5 Xã Phổ Thanh 6 Xã Phổ Châu</p> <p>1 Xã Lý Vĩnh 2 Xã Lý Hải</p>
<p>15. BÌNH ĐỊNH</p> <p>- 5 huyện, thành phố - 31 xã, phường</p>	<p>1. Huyện Hoài Nhơn (06 xã)</p> <p>2. Huyện Phù Mỹ (05 xã)</p> <p>3. Huyện Phù Cát (05 xã)</p> <p>4. Huyện Tuy Phước (03 xã)</p>	<p>1 Xã Tam Quan Bắc 2 Xã Tam Quan Nam 3 Xã Hoài Thanh 4 Xã Hoài Hương 5 Xã Hoài Mỹ 6 Xã Hoài Hải</p> <p>1 Xã Mỹ Đức 2 Xã Mỹ Thắng 3 Xã Mỹ An 4 Xã Mỹ Thọ 5 Xã Mỹ Thành</p> <p>1 Xã Cát Khánh 2 Xã Cát Thành 3 Xã Cát Hải 4 Xã Cát Tiến 5 Xã Cát Chánh</p> <p>1 Xã Phước Hoà 2 Xã Phước Sơn 3 Xã Phước Thuận</p>

	<p>5. Thành phố Quy Nhơn (12 xã, phường)</p>	<p>1 Xã Nhơn Lý 2 Xã Nhơn Hải 3 Xã Nhơn Hội 4 Phường Đống Đa 5 Phường Thị Nại 6 Phường Hải Cảng 7 Phường Lê Lợi 8 Phường Trần Phú 9 Phường Lý Thường Kiệt 19 Phường Nguyễn Văn Cừ 11 Phường Gành Ráng 12 Xã Nhơn Châu (đảo Cù Lao Xanh)</p>
<p>16. PHÚ YÊN - 4 huyện, thị xã - 25 xã, phường, thị trấn</p>	<p>1. Huyện Sông Cầu (08 xã, thị trấn)</p> <p>2. Huyện Tuy An (07 xã)</p> <p>3. Thị xã Tuy Hoà (04 xã, phường)</p> <p>4. Huyện Tuy Hoà (06 xã, thị trấn)</p>	<p>1 Xã Xuân Hải 2 Xã Xuân Hoà 3 Xã Xuân Thịnh 4 Xã Xuân Cảnh 5 Xã Xuân Phương 6 Thị trấn Sông Cầu 7 Xã Xuân Thọ 1 8 Xã Xuân Thọ 2</p> <p>1 Xã An Ninh Đông 2 Xã An Ninh Tây 3 Xã An Hải 4 Xã An Mỹ 5 Xã An Hoà 6 Xã An Chân 7 Xã An Phú</p> <p>1 Xã Bình Kiến 2 Phường 9 3 Phường 7 4 Phường 6</p> <p>1 Thị trấn Phú Lâm 2 Xã Hoà Hiệp Bắc 3 Xã Hoà Hiệp Trung 4 Xã Hoà Hiệp Nam 5 Xã Hoà Tâm 6 Xã Hoà Xuân Nam</p>

17. KHÁNH HOÀ

- 5 huyện, thành phố, thị xã
- 46 xã, phường, thị trấn

**1. Huyện Vạn Ninh
(10 xã, thị trấn)**

- 1 Xã Đại Lãnh
- 2 Xã Vạn Thọ
- 3 Xã Vạn Phước
- 4 Xã Vạn Long
- 5 Xã Vạn Khánh
- 6 Xã Vạn Thạnh
- 7 Xã Vạn Thắng
- 8 Thị trấn Vạn Giã
- 9 Xã Vạn Lương
- 10 Xã Vạn Hưng

**2. Huyện Ninh Hoà
(11 xã)**

- 1 Xã Ninh Hải
- 2 Xã Ninh Diêm
- 3 Xã Ninh Thủy
- 4 Xã Ninh Thọ
- 5 Xã Ninh Vân
- 6 Xã Ninh Phước
- 7 Xã Ninh Phú
- 8 Xã Ninh Giang
- 9 Xã Ninh Hà
- 10 Xã Ninh Lộc
- 11 Xã Ninh Ích

**3. Thành phố Nha Trang
(10 xã, phường)**

- 1 Xã Vĩnh Lương
- 2 Phường Vĩnh Hoà
- 3 Phường Vĩnh Hải
- 4 Phường Vĩnh Phước
- 5 Phường Vĩnh Thọ
- 6 Phường Xương Huân
- 7 Phường Lộc Thọ
- 8 Phường Vĩnh Trường
- 9 Xã Phước Đồng
- 10 Phường Vĩnh Nguyên

**4. Thị xã Cam Ranh
(15 xã, phường)**

- 1 Xã Cam Hải Tây
- 2 Xã Cam Hải Đông
- 3 Xã Cam Đức
- 4 Xã Cam Thành Bắc
- 5 Phường Cam Nghĩa
- 6 Phường Cam Phúc Bắc
- 7 Phường Cam Phúc Nam
- 8 Phường Cam Linh

		10 Phường Ba Ngòi 11 Phường Cam Phú 12 Phường Cam Thuận 13 Xã Cam Thịnh Đông 14 Xã Cam Bình 15 Xã Cam Lập
	5. Huyện đảo Trường Sa	
18. NINH THUẬN - 3 huyện, thị xã - 12 xã, phường, thị trấn	1. Huyện Ninh Hải (05 xã, thị trấn) 2. Thị xã Phan Rang - Tháp Chàm (04 xã, phường) 3. Huyện Ninh Phước (03 xã)	1 Xã Công Hải 2 Xã Vĩnh Hải 3 Xã Nhơn Hải 4 Xã Tri Hải 5 Thị trấn Khánh Hải 1 Xã Văn Hải 2 Xã Mỹ Hải 3 Phường Mỹ Đông 4 Phường Đông Hải 1 Xã An Hải 2 Xã Phước Dinh 3 Xã Phước Diêm
19. BÌNH THUẬN - 6 huyện, thành phố - 33 xã, phường, thị trấn	1. Huyện Tuy Phong (09 xã, thị trấn) 2. Huyện Bắc Bình (02 xã) 3. Thành phố Phan Thiết (10 xã, phường)	1 Xã Vĩnh Tân 2 Xã Vĩnh Hảo 3 Xã Phước Thê 4 Xã Bình Thạnh 5 Xã Chí Công 6 Xã Hoà Minh 7 Xã Hoà Phú 8 Thị trấn Liên Hương 9 Thị trấn Phan Rí Cửa 1 Xã Hoà Thắng 2 Xã Hồng Phong 1 Phường Mũi Né 2 Phường Hàm Tiến 3 Phường Phú Hải 4 Phường Thanh Hải 5 Phường Phú Thủy 6 Phường Hưng Long

	<p>4. Huyện Hàm Thuận Nam (03 xã)</p> <p>5. Huyện Hàm Tân (06 xã, thị trấn)</p> <p>6. Huyện đảo Phú Quý (03 xã)</p>	<p>8 Phường Lạc Đạo 9 Phường Đức Long 10 Xã Tiến Thành</p> <p>1 Xã Thuận Quý 2 Xã Tân Thành 3 Xã Tân Thuận</p> <p>1 Xã Tân Hải 2 Xã Tân Bình 3 Xã Tân Thiện 4 Xã Sơn Mỹ 5 Xã Tân Thắng 6 Thị trấn Lagi</p> <p>1 Xã Long Hải 2 Xã Ngũ Trọng 3 Xã Tam Thanh</p>
<p>20. BÀ RỊA - VŨNG TÀU</p> <p>- 4 huyện, thành phố - 19 xã, phường, thị trấn</p>	<p>1. Huyện Xuyên Mộc (03 xã)</p> <p>2. Huyện Long Đất (05 xã, thị trấn)</p> <p>3. Huyện Côn Đảo (01 thị trấn)</p> <p>4. Thành phố Vũng Tàu (10 xã, phường)</p>	<p>1 Xã Bình Châu 2 Xã Bưng Riềng 3 Xã Phước Thuận</p> <p>1 Xã Lộc An 2 Xã Phước Hải 3 Thị trấn Long Hải 4 Xã Phước Hưng 5 Xã Phước Tỉnh</p> <p>1 Thị trấn Côn Đảo</p> <p>1 Phường 1 2 Phường 2 3 Phường 3 4 Phường 4 5 Phường 5 6 Phường 6 7 Phường 7 8 Phường 8 9 Phường 9 10 Xã Long Sơn</p>

21. TP HỒ CHÍ MINH - 1 huyện - 4 xã, thị trấn	1. Huyện Cần Giờ (04 xã, thị trấn)	1 Xã Thạnh An 2 Thị trấn Cần Thạnh 3 Xã Long Hoà 4 Xã Lý Nhơn
22. TIỀN GIANG - 1 huyện - 8 xã	1. Huyện Gò Công Đông (08 xã)	1 Xã Tân Phước 2 Xã Gia Thuận 3 Xã Vàm Láng 4 Xã Kiểng Phước 5 Xã Tân Điền 6 Xã Tân Thành 7 Xã Phú Tân 8 Xã Phú Đông
23. BẾN TRE - 3 huyện - 9 xã	1. Huyện Bình Đại (03 xã) 2. Huyện Ba Tri (04 xã) 3. Huyện Thạnh Phú (02 xã)	1 Xã Bình Thắng 2 Xã Thừa Đức 3 Xã Thới Thuận 1 Xã Bảo Thạnh 2 Xã Bảo Thuận 3 Xã Tân Thủy 4 Xã An Thủy 1 Xã Thạnh Hải 2 Xã Thạnh Phong
24. TRÀ VINH - 3 huyện - 9 xã	1. Huyện Châu Thành (01 xã) 2. Huyện Cầu Ngang (03 xã) 3. Huyện Duyên Hải (05 xã)	1 Xã Long Hoà 1 Xã Mỹ Long Bắc 2 Thị trấn Mỹ Long 3 Xã Mỹ Long Nam 1 Xã Hiệp Thanh 2 Xã Trường Long Hoà 3 Xã Dân Thành 4 Xã Đông Hải 5 Xã Long Vĩnh
25. SÓC TRĂNG - 3 huyện - 10 xã, thị trấn	1. Huyện Cù Lao Dung (02 xã) 2. Huyện Long Phú (01 xã)	1 Xã An Thạnh 3 2 Xã An Thạnh Nam 1 Xã Trung Bình

	3. Huyện Vĩnh Châu (07 xã, thị trấn)	1 Xã Vĩnh Hải 2 Xã Lạc Hoà 3 Xã Vĩnh Châu 4 Thị trấn Vĩnh Châu 5 Xã Vĩnh Phước 6 Xã Vĩnh Tân 7 Xã Lai Hoà
26. BẠC LIÊU - 3 huyện, thị xã - 7 xã, thị trấn	1. Thị xã Bạc Liêu (02 xã) 2. Huyện Vĩnh Lợi (02 xã) 3. Huyện Đông Hải (03 xã, thị trấn)	1 Xã Hiệp Thành 2 Xã Vĩnh Trạch Đông 1 Xã Vĩnh Hậu 2 Xã Vĩnh Thịnh 1 Xã Long Điền Đông 2 Xã Long Điền Tây 3 Thị trấn Gành Hào
27. CÀ MAU - 6 huyện - 21 xã, thị trấn	1. Huyện Đầm Dơi (03 xã) 2. Huyện Ngọc Hiển (05 xã) 3. Huyện Năm Căn (02 xã) 4. Huyện Phú Tân (04 xã, thị trấn) 5. Huyện Trần Văn Thời (05 xã, thị trấn) 6. Huyện U Minh (02 xã)	1 Xã Tân Thuận 2 Xã Tân Tiến 3 Xã Nguyễn Huân 1 Xã Tam Giang Tây 2 Xã Tân Ân 3 Xã Viên An Đông 4 Xã Đất Mũi 5 Xã Viên An 1 Xã Tam Giang Đông 2 Xã Đất Mới 1 Xã Nguyễn Việt Khái 2 Thị trấn Cái Đôi Vàm 3 Xã Tân Hải 4 Xã Phú Tân 1 Xã Phong Lạc 2 Thị trấn Sông Đốc 3 Xã Khánh Hải 4 Xã Khánh Bình Tây 5 Xã Khánh Bình Tây Bắc 1 Xã Khánh Hội

28. KIÊN GIANG

- 9 huyện, thị xã
- 46 xã, phường, thị trấn

**1. Huyện An Minh
(06 xã)**

- 1 Xã Vân Khánh Tây
- 2 Xã Vân Khánh
- 3 Xã Vân Khánh Đông
- 4 Xã Đông Hưng
- 5 Xã Đông Thanh
- 6 Xã Thuận Hoà

**2. Huyện An Biên
(04 xã)**

- 1 Xã Nam Thái A
- 2 Xã Nam Thái
- 3 Xã Nam Yên
- 4 Xã Tây Yên

**3. Huyện Châu Thành
(01 xã)**

- 1 Xã Vĩnh Hoà Hiệp

**4. Thị xã Rạch Giá
(07 phường)**

- 1 Phường Rạch Sỏi
- 2 Phường An Hoà
- 3 Phường Vĩnh Lạc
- 4 Phường Vĩnh Bảo
- 5 Phường Vĩnh Thanh
- 6 Phường Vĩnh Quang
- 7 Phường Vĩnh Thanh Vân

**5. Huyện Hòn Đất
(06 xã)**

- 1 Xã Mỹ Lâm
- 2 Xã Sóc Sơn
- 3 Xã Sơn Kiên
- 4 Xã Thổ Sơn
- 5 Xã Bình Sơn
- 6 Xã Bình Giang

**6. Huyện Kiên Lương
(04 xã, thị trấn)**

- 1 Thị trấn Kiên Lương
- 2 Xã Bình An
- 3 Xã đảo Sơn Hải
- 4 Xã đảo Hòn Nghệ

**7. Thị xã Hà Tiên
(05 xã, phường)**

- 1 Xã Thuận Yên
- 2 Phường Pháo Đài
- 3 Phường Tô Châu
- 4 Xã Mỹ Đức
- 5 Xã đảo Tiên Hải

**8. Huyện đảo Kiên Hải
(03 xã)**

- 1 Xã Lại Sơn
- 2 Xã An Sơn

	<p>9. Huyện đảo Phú Quốc (10 xã, thị trấn)</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1 Thị trấn Dương Đông 2 Thị trấn An Thới 3 Xã Hòn Thơm 4 Xã Bãi Thơm 5 Xã Cửa Cạn 6 Xã Dương Tơ 7 Xã Cửa Dương 8 Xã Gành Dầu 9 Xã Hàm Ninh 10 Xã Thổ Châu
<p>Tổng số: 28 tỉnh, thành phố</p>	<p>Tổng số: 124 huyện, quận, thị xã</p>	<p>Tổng số: 612 xã, phường, thị trấn</p>